

CỤC THADS TỈNH LẠNG SƠN
CHI CỤC THADS
HUYỆN BÌNH GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123...../TB-THADS

Bình gia, ngày 08 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Bản án, Quyết định số: 01/2022/KDTM-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của TAND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số: 01/2022/QĐ-SCBSBA ngày 08 tháng 8 năm 2022 của TAND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 17/QĐ-CCTHADS ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số: 01/QĐ-CCTHADS ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số: 01/QĐ-CCTHADS ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ kết quả thẩm định giá ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Công ty TNHH Hằng định giá và kiểm toán Châu Á "AAVC";

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia lựa chọn: **Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú**

Địa chỉ: Tầng 5 – Tòa nhà Silver wings, số 137 Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Đề ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên sau:

Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với dự án công trình đập thủy điện Bắc Giang và cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất, cây trồng, cảnh quan, vật kiến trúc, vật trang trí và toàn bộ hệ thống điện, hệ thống thiết bị máy móc dự án thủy điện Bắc Giang (Vàng puộc) của Công ty Cổ phần năng lượng SOMECO1, địa chỉ: Bản Đông Mác, thôn Khuổi Ngành, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, tọa lạc trên diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 195384 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10/01/2014; Diện tích: 116.474,1 m²

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 195383 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10/01/2014; Diện tích: 39.860,5 m²

Đất được UBND tỉnh Lạng Sơn cho thuê có thu tiền thuê đất hàng năm, thời hạn 50 năm, kể từ 30/10/2009 đến 30/10/2059, theo Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Dự án đã có Quyết định gia hạn ngừng hoạt động số 152/QĐ-SKHĐT ngày 06/10/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn đến 06/4/2024 và được ra hạn kéo dài đến ngày 31/12/2024.

Tài sản kê biên là tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với toàn bộ dự án thủy điện Bắc Giang (Vàng puộc), bao gồm các loại tài sản *(Có danh mục tài sản và phụ lục kèm theo)*

Số TT	Danh mục tài sản	Giá trị tài sản (Đồng)	Ghi chú
A	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	108.396.879.889	
I	Nhà, công trình và vật kiến trúc (Nhóm công trình dân dụng)	1.943.746.531	Phụ lục 04, Phần I
II	Công trình thủy điện Bắc Giang (Nhóm công trình công nghiệp)	106.453.133.358	Phụ lục 04, Phần I
B	MÁY MÓC THIẾT BỊ, VẬT TƯ	22.996.932.504	
I	Hệ thống máy móc thiết bị, vật tư	22.718.405.904	Phụ lục 04, Phần I
II	Hệ thống thiết bị điện	275.946.600	Phụ lục 03, Phần II
III	Thiết bị khác - Nhà, công trình và vật kiến trúc	2.580.000	Phụ lục 03, Phần II
	Tổng cộng	131.393.812.393	
	LÀM TRÒN	131.393.812.000	

(Có phụ lục kèm theo)

PHỤ LỤC 04 (PHẦN D): BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ
(Kèm theo Báo cáo thẩm định giá số 2000/2024/BCTĐ ngày 18/6/2024 của
Công ty TNHH Hàng Định giá và Kiểm toán Châu Á)
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CÒN LẠI: CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Số TT	Hạng mục công trình	Nguyên giá (đồng)	Thời điểm thanh toán cuối cùng	Thời điểm thẩm định	Tuổi đời hiệu quả	Tuổi đời kinh tế	%CLCL	Giá trị còn lại (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)=(1)-(6)/(7)	(9)
I	Nhà, công trình và vật kiến trúc							1.943.746.531
1	Khu nhà ở	1.253.640.960	2012	2024	12	25	52%	651.893.299
2	Khu nhà ăn	384.639.840	2012	2024	12	25	52%	200.012.717
3	Khu nhà làm việc N1	783.525.600	2012	2024	12	25	52%	407.433.312
4	Bê nước (sau khu nhà làm việc)	26.456.602	2012	2024	12	25	40%	10.582.641
5	Nhà ngang (không nằm trong thiết kế)	151.956.480	2012	2024	12	25	52%	79.017.370
6	Nhà bảo vệ	31.657.600	2012	2024	12	25	52%	16.461.952
7	Nhà xưởng	883.434.989	2012	2024	12	25	52%	459.386.194
8	Khu nhà ở cạnh nhà xưởng	228.767.396	2012	2024	12	25	52%	118.959.046
II	Công trình thủy điện Bắc Giang							106.453.133.358
1	Đập tràn lòng sông bờ phải và Đập tràn lòng sông bờ trái	87.567432.850	2012	2024	12	35	66%	57.794505.681
2	Công dân dòng và Tường dân dòng thượng lưu và hạ lưu	7.001.565.700	2012	2024	12	35	66%	4.621.033.362
3	Cửa lấy nước và nhà máy thủy điện	18.712.453.000	2012	2024	12	35	66%	12.350.218.980
4	Đập dâng bờ phải	8.120.332.050	2012	2024	12	35	66%	5.359.419.153
5	Đập dâng bờ trái	4.322.838.600	2012	2024	12	35	66%	2.853.073.476
6	Tường phân dòng	12.818.490.600	2012	2024	12	35	66%	8.039.783.796
7	Tường cánh hạ lưu bờ phải	2.590.926.700	2012	2024	12	35	66%	1.710.011.622
8	Trạm phân phối	1.217.559.200	2012	2024	12	35	66%	803.589.072
9	Hồ móng bờ phải	2.995.994.350	2012	2024	12	35	66%	1.977.356.271
10	Hồ móng bờ trái	16.852.033.250	2012	2024	12	35	66%	10.944.141.945
				TỔNG CỘNG (I+II)				108.396.879.889

(Một trăm linh tám tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm tám mươi chín đồng)

PHỤ LỤC 03 (PHẦN II): BẢNG PHÂN TÍCH VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Báo cáo thẩm định giá số 2000/2024/BCTĐ ngày 18/6/2024 của Công ty TNHH Hàng Định giá và Kiểm toán Châu Á)

ĐVT: Đồng

Số TT	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Bảo giá các đơn vị cung cấp			Đơn giá thẩm định	Thành tiền
				Đơn giá 1	Đơn giá 2	Đơn giá 3		
B	Hệ thống thiết bị điện							
I	Trạm biến áp							275.946.600
1	Trạm biến áp 1	Hệ thống	1	28.000.000	25.000.000	23.000.000	28.000.000	28.000.000
2	Trạm biến áp 2	Hệ thống	1	27.000.000	25.000.000	20.000.000	27.000.000	27.000.000
II	Thiết bị khu nhà xưởng							
1	Các loại tài sản ở sân khu nhà làm việc N1	Hệ thống						
1.1	- 27 bộ xà sắt thu hồi (35kg/bộ) - Tổ sắt dựng cột: 02 thanh khối lượng: 120kg)	Kg	1.065	8.000	7.000	7.500	8.000	8.520.000
1.2	- 02 động dây nhôm lõi AC70(50) cũ thu hồi khối lượng ước tính khoảng 4 tấn. Do tài sản có khối lượng lớn không thể tiến hành kiểm đếm trực tiếp nên đoàn cường chế đã tiến hành chụp ảnh hiện trạng tài sản (có lưu kèm biên bản)	Kg	4.000	45.000	43.000	40.000	45.000	180.000.000
2	Xưởng tổ hợp thiết bị							
	Tài sản trong khu nhà xưởng tổ hợp thiết bị:							
2.1	- 28 bộ xà = 480kg - 1 ống sắt phi 300 = 120 kg - 62 ống phi 45 = 558 kg - 6 bình oxy = 336kg - Tời còi xay 01 cái = 250kg	Kg	1.744	8.000	7.000	7.500	8.000	13.952.000
2.2	Tài sản khu cạnh nhà xưởng tổ hợp:							
	Vật tư nhôm:							
2.2.1	- Dây nhôm lõi AC - 120 = 300m - Ròng rọc 01 cái = 3,8kg (nhôm)	Kg	151	45.000	43.000	40.000	45.000	6.813.000
2.2.2	Vật tư sắt:							
	- Xà sắt 1m; 14 bộ = 70kg - Gông cột 20 cái = 160kg - Cờ tiếp địa; 36 cái = 32,4kg - Guốc treo cột; 5 đôi = 20kg	Kg	1.458	8.000	7.000	7.500	8.000	11.661.600

	-Khóa néo U; 70 cái = 175kg - Ống nối dây 120; 25 cái = 150kg - Tì sứ 65 cái; không xác định giá trị - Khóa néo 22 cái = 26kg - Bu lông phi 18; dài 40cm; 42 cái = 370kg - CK; 30 cái = 36kg - Tầng đồ 04 cái = 53,6kg - 18 thanh dài 5m = 142,2kg - Dây néo TK 70: 6 dây = 42kg- Sắt V45 x 4; - 19 thanh = 180,5kg											
1	Hạ lưu nhà máy	Hệ thống	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
C	Thiết bị khác - Nhà, công trình và vật kiến trúc											2.580.000
I	Khu nhà ở											
1	Phòng 1 bao gồm: + 01 tủ đựng + 01 giường đôi + 02 bàn làm việc + 01 bàn uống nước + 01 ghế da tựa + 01 quạt trần	Phòng	1	80.000	76.000	75.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	
2	Phòng 2 bao gồm: + 02 giường đôi + 01 giường đơn + 02 bàn làm việc + 01 ghế da tựa + 01 quạt trần	Phòng	1	80.000	76.000	75.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	
3	Phòng 3 bao gồm: + 03 giường đơn - không rát + 01 quạt trần	Phòng	1	80.000	76.000	75.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	
4	Phòng 4 bao gồm: + 03 giường đơn - không rát	Phòng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Phòng 5 bao gồm: + 02 giường đơn + 01 khung giường - không rát + 01 bàn làm việc	Phòng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Phòng 6 bao gồm: + 02 giường đôi +	Phòng	1	80.000	76.000	75.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000

	01 quạt trần + 01 bàn làm việc								
7	Phòng 7 bao gồm: + 03 giường đơn + 01 quạt trần	Phòng		1	80.000	76.000	75.000	80.000	80.000
8	Phòng 8 bao gồm: + 02 giường đơn + 01 bàn làm việc + 01 ghế da + 01 ghế xoay + 01 quạt trần + 01 quạt cây + 01 tủ sắt 4 cánh	Phòng		1	200.000	189.000	170.000	200.000	200.000
9	Phòng 9 bao gồm: + 01 bàn làm việc + 01 ghế da + 01 quạt trần	Phòng		1	80.000	76.000	75.000	80.000	80.000
10	Phòng không đánh số bao gồm: + 01 giường đôi + 01 ghế da + 01 quạt trần	Phòng		1	80.000	76.000	75.000	80.000	80.000
II	Khu nhà ăn								
1	Khu nhà ăn bao gồm: + 02 quạt trần + 01 máy nò OHV ENGINE + 01 tivi hiệu Samsung 21 inch	Phòng		1	230.000	218.000	200.000	230.000	230.000
III	Khu nhà làm việc N1								
1	Phòng Giám đốc bao gồm: + 01 bàn làm việc + 01 bàn họp cũ + 01 ghế da	Phòng		1	20.000	19.000	15.000	20.000	20.000
2	Phòng Thiết bị Công nghệ bao gồm: + 02 tủ sắt + 01 kệ tài liệu gỗ ép + 06 bàn làm việc gỗ ép + 03 màn hình cũ + 01 tượng Bác Hồ + 01 ghế xoay cũ	Phòng		1	220.000	210.000	190.000	220.000	220.000
3	Phòng Kinh tế - Kế hoạch bao gồm: + 01 tủ kệ tài liệu bằng gỗ + 01 kệ gỗ ép rộng + 01 ghế xoay cũ	Phòng		1	20.000	19.000	15.000	20.000	20.000
4	Phòng Tổ chức hành chính bao gồm:	Phòng		1	200.000	189.000	170.000	200.000	200.000

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn thông báo để Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú và Công ty đấu giá hợp Danh Đông Bắc biết.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Hứa Văn Trí